

Số: **23** /2016/TT-BTTTT

Hà Nội, ngày **02** tháng **11** năm 2016

THÔNG TƯ

**Quy định về điều tra sản lượng và giá cước bình quân đối với
dịch vụ bưu chính công ích và dịch vụ công ích trong hoạt động phát hành báo chí**

Căn cứ Luật Bưu chính ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 47/2011/NĐ-CP ngày 17 tháng 6 năm 2011 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số nội dung của Luật Bưu chính;

Căn cứ Nghị định số 132/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Căn cứ Quyết định 41/2011/QĐ-TTg ngày 03 tháng 8 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc chỉ định doanh nghiệp thực hiện duy trì, quản lý mạng bưu chính công cộng, cung ứng dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ bưu chính quốc tế;

Căn cứ Quyết định 45/2015/QĐ-TTg ngày 24 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về cung ứng dịch vụ bưu chính công ích và dịch vụ công ích trong hoạt động phát hành báo chí;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Bưu chính,

Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Thông tư quy định về điều tra sản lượng và giá cước bình quân đối với dịch vụ bưu chính công ích và dịch vụ công ích trong hoạt động phát hành báo chí.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về điều tra sản lượng và giá cước bình quân đối với dịch vụ bưu chính công ích và dịch vụ công ích trong hoạt động phát hành báo chí.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với Tổng công ty Bưu điện Việt Nam và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến điều tra sản lượng và giá cước bình quân dịch vụ bưu chính công ích và dịch vụ công ích trong hoạt động phát hành báo chí.

Điều 3. Nguyên tắc xác định

1. Sản lượng dịch vụ bưu chính phổ cập, đơn vị tính là thư, được xác định dựa trên cơ sở tính toán số liệu từ báo cáo hàng năm của Tổng công ty Bưu điện Việt Nam và kết quả điều tra.

2. Sản lượng dịch vụ công ích trong hoạt động phát hành báo chí, đơn vị tính là tờ (báo), cuốn (tạp chí), được xác định dựa trên số liệu từ báo cáo hàng năm của Tổng công ty Bưu điện Việt Nam và kết quả điều tra.

3. Giá cước bình quân một thư cơ bản trong nước, đơn vị tính là đồng Việt Nam, được xác định dựa trên cơ sở tổng hợp, tính toán số liệu từ kết quả điều tra.

4. Giá cước bình quân một thư cơ bản từ Việt Nam đi các nước và thư cơ bản từ các nước đến Việt Nam, đơn vị tính là đồng Việt Nam, được xác định dựa trên cơ sở tổng hợp, tính toán số liệu từ kết quả điều tra và giá cước thanh toán giữa Việt Nam và các nước theo quy định hiện hành của Liên minh Bưu chính thế giới (UPU) cho mỗi kilôgam (kg) thư.

5. Mức độ sai khác của báo cáo dịch vụ bưu chính công ích, đơn vị tính là %, được xác định dựa trên kết quả đối chiếu giữa số liệu trên các báo cáo tổng hợp và số liệu trên các báo cáo, sổ sách chi tiết, chứng từ giao nhận (sau đây gọi tắt là tài liệu, chứng từ) tại các đơn vị được lựa chọn điều tra.

6. Số thư bình quân trong một kilôgam thư là số nguyên dương. Nếu số thư bình quân trong một kilôgam thư theo tính toán là số thập phân thì làm tròn thành số nguyên theo nguyên tắc làm tròn số thập phân: kết quả sau dấu phẩy lớn hơn hoặc bằng năm (05) thì số liệu được làm tròn lên; kết quả sau dấu phẩy nhỏ hơn năm (05) thì số liệu được làm tròn xuống.

Chương II

ĐIỀU TRA SẢN LƯỢNG, GIÁ CƯỚC BÌNH QUÂN

Điều 4. Tổ chức điều tra

1. Việc điều tra được thực hiện theo quyết định, phương án của Bộ Thông tin và Truyền thông.

2. Nội dung phương án điều tra:

- a) Mục đích;
- b) Đối tượng, đơn vị và phạm vi;
- c) Nội dung;
- d) Thời gian;
- đ) Mẫu;
- e) Kinh phí.

3. Thành phần tham gia điều tra:

- a) Đại diện Bộ Thông tin và Truyền thông;
- b) Đại diện Sở Thông tin và Truyền thông các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được lựa chọn điều tra;
- c) Đại diện Tổng công ty Bưu điện Việt Nam.

Điều 5. Nội dung, yêu cầu và phương pháp điều tra

1. Nội dung điều tra

Việc điều tra sản lượng và giá cước bình quân dịch vụ bưu chính công ích và dịch vụ công ích trong hoạt động phát hành báo chí nhằm thu thập số liệu, thông tin cho các nội dung sau:

a) Xác định số thư bình quân trong một kilôgam thư và giá cước bình quân một thư đối với dịch vụ thư cơ bản từ Việt Nam đi các nước, dịch vụ thư cơ bản từ các nước đến Việt Nam (sau đây gọi là dịch vụ thư cơ bản quốc tế) và dịch vụ thư cơ bản trong nước;

b) Xác định tỷ lệ chênh lệch về sản lượng theo các báo cáo (sau đây gọi tắt là tỷ lệ chênh lệch) đối với dịch vụ thư cơ bản trong nước, dịch vụ thư cơ bản quốc tế và dịch vụ công ích trong hoạt động phát hành báo chí (sau đây gọi là dịch vụ phát hành báo chí);

c) Các nội dung điều tra khác theo yêu cầu của Bộ Thông tin và Truyền thông.

2. Yêu cầu điều tra

a) Việc điều tra được thực hiện hàng năm. Bộ Thông tin và Truyền thông quyết định nội dung điều tra quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Nội dung điều tra phải được phản ánh trung thực, chính xác và đầy đủ trên biểu mẫu;

c) Việc ghi chép, thu thập, tổng hợp số liệu điều tra phải bảo đảm chính xác, không được tính trùng hoặc bỏ sót;

d) Việc lựa chọn mẫu điều tra phải khách quan và đủ số lượng theo yêu cầu.

3. Phương pháp điều tra

Việc điều tra được thực hiện bằng phương pháp điều tra chọn mẫu.

Điều 6. Thời gian điều tra

Việc điều tra được thực hiện ít nhất năm (05) ngày làm việc; liên tục từ thứ hai đến thứ sáu và vào quý II hoặc quý III trong năm.

Điều 7. Chọn mẫu điều tra

1. Mẫu điều tra để xác định các nội dung quy định tại điểm a khoản 1 Điều 5 Thông tư này được quy định như sau:

a) Địa điểm điều tra:

- Việc điều tra đối với dịch vụ thư cơ bản trong nước được thực hiện ở trung tâm khai thác cấp tỉnh của Tổng công ty Bưu điện Việt Nam tại ít nhất bảy (07) tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, trong đó, bắt buộc thực hiện tại thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh. Các tỉnh, thành phố khác do Bộ Thông tin và Truyền thông quyết định hàng năm theo tiêu chí các tỉnh được lựa chọn điều tra trải đều trên toàn quốc và đại diện cho các vùng, miền.

- Việc điều tra đối với dịch vụ thư cơ bản quốc tế được thực hiện tại tất cả các bưu cục ngoại dịch của Tổng công ty Bưu điện Việt Nam.

b) Khối lượng thư điều tra:

- Đối với dịch vụ thư cơ bản trong nước: Mỗi ngày trong đợt điều tra, thực hiện điều tra 10 kg thư tại mỗi địa điểm điều tra được lựa chọn.

- Đối với dịch vụ thư cơ bản quốc tế: Mỗi ngày trong đợt điều tra, thực hiện điều tra 20 kg thư đối với từng nội dung điều tra tại mỗi địa điểm điều tra.

- Trường hợp khối lượng thư điều tra không đủ so với các yêu cầu nêu trên thì thực hiện điều tra toàn bộ khối lượng thư thực tế trong ngày.

2. Mẫu điều tra để xác định các nội dung quy định tại điểm b khoản 1 Điều 5 Thông tư này như sau:

a) Địa điểm điều tra:

- Việc điều tra đối với dịch vụ thư cơ bản trong nước và dịch vụ phát hành báo chí được thực hiện tại ít nhất bảy (07) tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo tiêu chí các tỉnh được lựa chọn điều tra trải đều trên toàn quốc và đại diện cho các vùng, miền. Tại mỗi tỉnh, thành phố này, thực hiện điều tra tại 100% bưu cục giao dịch cấp tỉnh, tại ít nhất 10% bưu cục giao dịch cấp huyện, 5% bưu cục giao dịch khác và 10% đơn vị cấp huyện.

- Việc điều tra đối với dịch vụ thư cơ bản quốc tế được thực hiện tại tất cả các bưu cục ngoại dịch của Tổng công ty Bưu điện Việt Nam.

b) Tài liệu điều tra: Bộ Thông tin và Truyền thông quyết định lựa chọn báo cáo của tháng bất kỳ (trước đợt điều tra) để thực hiện việc điều tra.

Điều 8. Cách thức điều tra

Trong đợt điều tra, hàng ngày, tại từng địa điểm điều tra được lựa chọn, người tham gia điều tra thực hiện các công việc chính sau đây:

1. Đối với các nội dung quy định tại điểm a khoản 1 Điều 5 Thông tư này:

a) Cân ngẫu nhiên khối lượng thư cần điều tra theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 7 Thông tư này;

b) Đếm tổng số thư trong khối lượng thư được lựa chọn;

c) Ghi chép chi tiết thông tin vào các mẫu CI-1 và CI-2 theo quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

d) Căn cứ vào kết quả điều tra hàng ngày của tất cả các tỉnh, thành phố được lựa chọn điều tra, đoàn điều tra tổng hợp, tính toán và ghi chép vào mẫu CI-3, CI-4 và CI-5 theo quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Đối với các nội dung quy định tại điểm b khoản 1 Điều 5 Thông tư này:

a) Tại bưu cục giao dịch:

- Đối chiếu số liệu của báo cáo tổng hợp với số liệu trên các tài liệu, chứng từ tại bưu cục giao dịch đó.

- Ghi kết quả điều tra vào mẫu CI-6 theo quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

b) Tại đơn vị cấp huyện:

- Đối chiếu số liệu trên báo cáo tổng hợp cấp huyện với số liệu trên các báo tổng hợp từ các điểm phục vụ gửi về.

- Ghi kết quả điều tra vào mẫu CI-7 theo quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

c) Tại bưu cục ngoại dịch:

- Đối chiếu giữa số liệu trên báo cáo tổng hợp với số liệu trên tài liệu, chứng từ tại bưu cục ngoại dịch đó.

- Ghi kết quả điều tra vào mẫu CI-8 theo quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

d) Căn cứ vào kết quả điều tra hàng ngày của tất cả các tỉnh, thành phố được lựa chọn điều tra, đoàn điều tra tổng hợp, tính toán và ghi chép vào mẫu CI-9, CI-10 và CI-11 theo quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 9. Xác định các nội dung điều tra

1. Số thư bình quân trong một kilôgam thư được tính riêng cho từng dịch vụ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 5 Thông tư này:

$$\text{Số thư bình quân trong một kilôgam thư} = \frac{\text{Tổng số thư được kiểm đếm}}{\text{Tổng khối lượng thư được lựa chọn điều tra}}$$

2. Giá cước bình quân một thư cơ bản trong nước:

$$\text{Giá cước bình quân một thư cơ bản trong nước} = \frac{\text{Tổng giá cước của tất cả các thư được lựa chọn điều tra}}{\text{Tổng số thư được lựa chọn điều tra}}$$

3. Giá cước bình quân một thư cơ bản từ Việt Nam đi các nước:

$$\text{Giá cước bình quân một thư cơ bản từ Việt Nam đi các nước} = \text{Giá cước bình quân một thư được kiểm đếm} - \text{Giá cước bình quân một thư dùng để thanh toán giữa Việt Nam và các nước theo quy định hiện hành của UPU}$$

Trong đó:

Giá cước bình quân một thư được kiểm đếm: Áp dụng công thức như công thức quy định tại khoản 2 Điều này.

$$\text{Giá cước bình quân một thư dùng để thanh toán giữa Việt Nam và các nước theo quy định hiện hành của UPU} = \frac{\text{Giá cước thanh toán giữa Việt Nam và các nước cho một kilôgam thư theo quy định hiện hành của UPU}}{\text{Số thư bình quân trong một kilôgam thư được xác định trong đợt điều tra}}$$

4. Giá cước bình quân một thư cơ bản từ các nước đến Việt Nam:

$$\begin{array}{l} \text{Giá cước bình quân một} \\ \text{thư cơ bản từ các nước} \\ \text{đến Việt Nam} \end{array} = \frac{\text{Giá cước thanh toán giữa Việt Nam và các nước cho} \\ \text{một kilôgam thư theo quy định hiện hành của UPU}}{\text{Số thư bình quân trong một kilôgam thư được} \\ \text{xác định trong đợt điều tra}}$$

5. Tỷ lệ chênh lệch

a) Đối với dịch vụ thư cơ bản quốc tế:

$$\begin{array}{l} \text{Tỷ lệ chênh lệch} \\ \text{trong cả nước} \end{array} = \frac{\text{Tổng các số liệu trên các} \\ \text{báo cáo tổng hợp của tất cả} \\ \text{các bưu cục ngoại dịch}}{\text{Tổng các số liệu trên các} \\ \text{tài liệu, chứng từ tại các} \\ \text{bưu cục ngoại dịch đó}}$$

b) Đối với dịch vụ thư cơ bản trong nước và dịch vụ phát hành báo chí:

$$\begin{array}{l} \text{Tỷ lệ chênh lệch} \\ \text{trong cả nước} \end{array} = \text{Bình quân gia quyền các tỷ lệ chênh lệch} \\ \text{của tỉnh, thành phố được lựa chọn điều tra}$$

Trong đó:

$$\begin{array}{l} \text{Tỷ lệ chênh} \\ \text{lech từng tỉnh,} \\ \text{thành phố} \end{array} = \frac{\text{Tổng sản lượng trên báo} \\ \text{cáo tổng hợp cấp huyện}}{\text{Tổng sản lượng trên tài liệu,} \\ \text{chứng từ tại cấp huyện}} \times \frac{\text{Tổng sản lượng trên báo cáo tổng hợp của các} \\ \text{bưu cục giao dịch được lựa chọn điều tra}}{\text{Tổng sản lượng trên tài liệu, chứng từ} \\ \text{tại các bưu cục đó}}$$

Điều 10. Mức độ sai khác của báo cáo

1. Mức độ sai khác trong một năm của báo cáo bằng (=) trị tuyệt đối của [1 trừ (-) tỷ lệ chênh lệch trong cả nước].

2. Mức độ sai khác trong một năm của báo cáo được xác định riêng cho từng dịch vụ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 5 của Thông tư này.

Điều 11. Xác định sản lượng dịch vụ thư cơ bản trong nước và quốc tế

1.

$$\begin{array}{l} \text{Sản lượng dịch vụ} \\ \text{thư cơ bản trong} \\ \text{nước và quốc tế} \\ \text{(đơn vị tính là thư)} \end{array} = \frac{\text{Số thư bình quân} \\ \text{trong một kilôgam} \\ \text{thư (đơn vị tính là} \\ \text{thư)}}{\text{Khối lượng thư của dịch vụ} \\ \text{tương ứng (đơn vị tính là kg)}}$$

2. Trường hợp mức độ sai khác của báo cáo ($\leq$) 03 % thì khối lượng thư nêu tại khoản 1 nêu trên (=) Khối lượng theo báo cáo hàng năm của Tổng công ty Bưu điện Việt Nam.

3. Trường hợp mức độ sai khác của báo cáo ($>$) 03 % thì khối lượng thư nêu tại khoản 1 nêu trên (=) Khối lượng theo báo cáo hàng năm của Tổng công ty Bưu điện Việt Nam (:) tỷ lệ chênh lệch trong cả nước.

Điều 12. Xác định sản lượng dịch vụ phát hành báo chí

1. Sản lượng dịch vụ phát hành báo chí (=) Sản lượng theo báo cáo hàng năm của Tổng công ty Bưu điện Việt Nam lập trong trường hợp mức độ sai khác của báo cáo ($\leq$) 03 %.

2. Sản lượng dịch vụ phát hành báo chí (=) Sản lượng theo báo cáo hàng năm của Tổng công ty Bưu điện Việt Nam lập (:) tỷ lệ chênh lệch trong cả nước trong trường hợp mức độ sai khác của báo cáo ($>$) 03 %.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Vụ Bưu chính có trách nhiệm:

a) Hàng năm, trình Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt kế hoạch và phương án điều tra sản lượng và giá cước bình quân dịch vụ bưu chính công ích và dịch vụ công ích trong hoạt động phát hành báo chí trên phạm vi toàn quốc.

b) Chủ trì, hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện phương án điều tra quy định tại điểm a khoản này.

2. Sở Thông tin và Truyền thông các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ quy định tại điểm a khoản 3 Điều 6 Quyết định 45/2015/QĐ-TTg ngày 24 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về cung ứng dịch vụ bưu chính công ích và dịch vụ công ích trong hoạt động phát hành báo chí đối với hoạt động điều tra sản lượng và giá cước bình quân dịch vụ bưu chính công ích và dịch vụ phát hành báo chí tại địa phương theo yêu cầu của Bộ Thông tin và Truyền thông.

3 Tổng công ty Bưu điện Việt Nam có trách nhiệm:

a) Tham gia các đợt điều tra sản lượng và giá cước bình quân đối với dịch vụ bưu chính công ích và dịch vụ công ích trong hoạt động phát hành báo chí và thực hiện các nhiệm vụ theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông;

b) Thực hiện việc báo cáo theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Kinh phí điều tra

a) Ngân sách trung ương bảo đảm cho việc thực hiện nội dung quy định tại khoản 1 Điều 13.

b) Ngân sách địa phương bảo đảm cho việc thực hiện nội dung quy định tại khoản 2 Điều 13.

Điều 15. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 12 năm 2016.

2. Các nội dung quy định về điều tra thống kê dịch vụ bưu chính công ích quy định tại Thông tư số 20/2009/TT-BTTTT ngày 28/5/2009 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về báo cáo thống kê và điều tra thống kê dịch vụ bưu chính công ích hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vấn đề vướng mắc, các tổ chức, cá nhân liên quan phản ánh kịp thời về Bộ Thông tin và Truyền thông (Vụ Bưu chính) để xem xét, bổ sung, sửa đổi./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ và các Phó Thủ tướng CP;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng TBT;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Cơ quan TW của các đoàn thể;
- Tỉnh ủy, Thành ủy các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở Thông tin và Truyền thông các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Công TTĐT Chính phủ, Công báo;
- Bộ TTTT: Bộ trưởng và các Thứ trưởng, các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, Công TTĐT Bộ;
- Lưu: VT, BC.



Trương Minh Tuấn

PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Thông tư số **23**/2016/TT-BTTTT ngày **02/11/2016** của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

Gồm các mẫu sau:

1. **Mẫu CI-1:** Điều tra dịch vụ thư cơ bản trong nước
2. **Mẫu CI-2:** Điều tra dịch vụ thư cơ bản quốc tế.
3. **Mẫu CI-3:** Tổng hợp kết quả điều tra dịch vụ thư trong nước.
4. **Mẫu CI-4:** Tổng hợp kết quả điều tra dịch vụ thư cơ bản từ Việt Nam đi các nước.
5. **Mẫu CI-5:** Tổng hợp các kết quả điều tra dịch vụ thư cơ bản từ các nước đến Việt Nam.
6. **Mẫu CI-6:** Điều tra tại bưu cục giao dịch dịch vụ thư cơ bản trong nước và dịch vụ phát hành báo chí.
7. **Mẫu CI-7:** Điều tra tại đơn vị cấp quận dịch vụ thư cơ bản trong nước và dịch vụ phát hành báo chí.
8. **Mẫu CI-8:** Điều tra tại bưu cục ngoại dịch dịch vụ thư cơ bản quốc tế.
9. **Mẫu CI-9:** Tổng hợp điều tra của tỉnh, thành phố dịch vụ thư cơ bản trong nước và dịch vụ phát hành báo chí.
10. **Mẫu CI-10:** Tổng hợp điều tra trong cả nước dịch vụ thư cơ bản trong nước và dịch vụ phát hành báo chí.
11. **Mẫu CI-11:** Tổng hợp điều tra trong cả nước dịch vụ thư cơ bản quốc tế.

Trung tâm khai thác tỉnh...
Đợt điều tra tháng...

Mẫu CI-1
(Ban hành kèm theo Thông tư số **23**/2016/TT-BTTTT
ngày **02/11**/2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

ĐIỀU TRA DỊCH VỤ THƯ CƠ BẢN TRONG NƯỚC
Ngày...tháng...năm...

1. Tổng khối lượng thư điều tra (kg):

2. Nội dung điều tra:

STT	Nấc cước (đồng)	Số thư (thư)	Tổng cước (đồng)	Ghi chú
(A)	(1)	(2)	(3) = (1) x (2)	(4)
1				
2				
3				
4				
5				
6				
7				
8				
9				
...				
Tổng cộng	x			

Ghi chú: Không thống kê vào ô có dấu "x"

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Đại diện trung tâm khai thác
(Ký, họ tên)

..., ngày...tháng ...năm...
Đại diện đoàn điều tra
(Ký, họ tên)

Giải thích nội dung và cách ghi mẫu CI-1

1. Mục đích

Mẫu CI-1 được lập để:

- Xác định tổng số thư trong khối lượng thư được lựa chọn điều tra tại trung tâm khai thác của một tỉnh, thành phố.
- Xác định tổng cước của tổng số thư đó.

2. Nội dung và cách ghi mẫu

- Mục 1 (Tổng khối lượng thư điều tra): Ghi chép tổng khối lượng được lựa chọn trong một ngày điều tra.
- Mục 2 (Nội dung điều tra): Ghi chép các nội dung nêu trong bảng
 - + Cột (1) Nấc cước: Ghi nấc cước của một thư hoặc bưu thiếp trên phong bì được kiểm đếm.
 - + Cột (2) Số thư: Ghi số lượng thư được kiểm đếm tương ứng với nấc cước ở cột (1).
 - + Cột (3) Tổng cước: Được xác định (=) cột (1) (x) cột (2).
 - + Tính “Tổng cộng” theo các cột tương ứng trong bảng.

Bưu cục ngoại dịch...
Đợt điều tra tháng ...

Mẫu CI-2
(Ban hành kèm theo Thông tư số **23**/2016/TT-BTTTT
ngày **02/11**/2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

ĐIỀU TRA DỊCH VỤ THƯ CƠ BẢN QUỐC TẾ

Ngày...tháng...năm...

1. Điều tra dịch vụ thư cơ bản từ Việt Nam đi các nước

1.1 Tổng khối lượng thư điều tra (kg):

1.2. Nội dung điều tra:

STT	Nắc cước (đồng)	Số thư (thư)	Tổng cước (đồng)	Ghi chú
A	(1)	(2)	(3) = (1) x (2)	(4)
1				
2				
3				
4				
5				
6				
7				
8				
9				
...				
Tổng cộng	x			

Ghi chú: Không thống kê vào ô có dấu "x"

2. Điều tra dịch vụ thư cơ bản từ các nước đến Việt Nam

2.1 Tổng khối lượng thư điều tra (kg):

2.2. Tổng số thư :

..., ngày...tháng ...năm...

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Đại diện bưu cục
(Ký, họ tên)

Đại diện đoàn điều tra
(Ký, họ tên)

Giải thích nội dung và cách ghi mẫu CI-2

1. Mục đích

Mẫu CI-2 được lập để:

- Xác định tổng số thư trong khối lượng thư được lựa chọn điều tra tại bưu cục ngoại dịch.
- Xác định tổng cước của tổng số thư cơ bản từ Việt Nam đi các nước được kiểm đếm.

2. Nội dung và cách ghi mẫu

- Mục 1 (Điều tra dịch vụ thư cơ bản từ Việt Nam đi các nước)
- Mục 1.1 (Tổng khối lượng thư điều tra): Ghi tổng khối lượng được kiểm đếm trong một ngày điều tra.
- Mục 1.2 (Nội dung điều tra): Ghi chép các nội dung nêu trong bảng:
 - + Cột (1) Nấc cước: Ghi nấc cước của một thư hoặc bưu thiếp trên phong bì được kiểm đếm.
 - +Cột (2) Số thư: Ghi số lượng thư được kiểm đếm tương ứng với nấc cước ở cột (1).
 - +Cột (3) Tổng cước: Được xác định (=) cột (1) (x) cột (2).
 - + Tính “Tổng cộng” theo các cột tương ứng trong bảng.
- Mục 2 (Điều tra dịch vụ thư cơ bản từ các nước đến Việt Nam)
- Mục 2.1 (Tổng khối lượng thư điều tra): Ghi tổng khối lượng được kiểm đếm trong một ngày điều tra.
- Mục 2.2 (Tổng số thư): Ghi tổng số thư kiểm đếm trong tổng khối lượng thư được lựa chọn điều tra.

Đợt điều tra tháng...
Năm...

Mẫu CI-3
(Ban hành kèm theo Thông tư số 23/2016/TT-BTTTT
ngày 02/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐIỀU TRA DỊCH VỤ THƯ CƠ BẢN TRONG NƯỚC

Ngày ...tháng ...năm ...

1. Tổng hợp nội dung điều tra:

STT	Tên trung tâm khai thác	Ngày điều tra	Tổng khối lượng thư điều tra (kg)	Tổng số thư (thư)	Tổng cước (đồng)	Ghi chú
A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Hà Nội	Ngày điều tra thứ 1				
		Ngày điều tra thứ 2				
		Ngày điều tra thứ 3				
		Ngày điều tra thứ 4				
		Ngày điều tra thứ 5				
2	TP. Hồ Chí Minh	Ngày điều tra thứ 1				
		Ngày điều tra thứ 2				
		Ngày điều tra thứ 3				
		Ngày điều tra thứ 4				
		Ngày điều tra thứ 5				
...	...	...				
Tổng cộng						

2. Số thư bình quân trong một kilôgam thư :

3. Giá cước bình quân một thư cơ bản trong nước:

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

..., ngày...tháng ...năm...
Đại diện đoàn điều tra
(Ký, họ tên)

Giải thích nội dung và cách ghi mẫu CI-3

1. Mục đích

Mẫu CI-3 được lập từ các mẫu CI-1 để:

- Xác định số thư bình quân trong một kilôgam thư cơ bản trong nước trong một kỳ điều tra.
- Xác định giá cước bình quân một thư cơ bản trong nước trong một kỳ điều tra.

2. Nội dung và cách ghi mẫu

- Mục 1 (Tổng hợp nội dung điều tra): Ghi chép các nội dung nêu trong bảng:
 - + Cột (1) Tên trung tâm khai thác: Ghi tên các trung tâm khai thác tỉnh, thành phố nơi thực hiện điều tra.
 - + Cột (2) Ngày điều tra: Ghi cụ thể các ngày điều tra.
 - + Cột (3) Tổng khối lượng thư điều tra: Ghi tổng khối lượng thư điều tra từng ngày tại từng trung tâm khai thác. Số liệu này là số liệu được lấy tại Mục 1 mẫu CI-1 của trung tâm khai thác tương ứng.
 - + Cột (4) Tổng số thư: Ghi tổng số thư điều tra từng ngày tại từng trung tâm khai thác. Số liệu này là số liệu được lấy tại cột (2) dòng “Tổng cộng” Mục 2 mẫu CI-1 của tỉnh, thành phố tương ứng.
 - + Cột (5) Tổng cước: Ghi tổng số tiền cước của số thư được kiểm đếm tại từng trung tâm khai thác. Số liệu này là số liệu được lấy tại cột (3) dòng “Tổng cộng” Mục 2 mẫu CI-1 của tỉnh, thành phố tương ứng.
 - + Tính “Tổng cộng” theo các cột tương ứng trong bảng.
- Mục 2 (Số thư bình quân trong một kilôgam thư): Được xác định (=) Tổng số thư ghi tại cột (4) dòng “Tổng cộng” Mục 1 của mẫu CI-3 này (:) Tổng khối lượng thư điều tra ghi tại cột (3) dòng “Tổng cộng” Mục 1 của mẫu CI-3 này.
- Mục 3 (Giá cước bình quân một thư cơ bản trong nước): Được xác định (=) Tổng cước ghi tại cột (5) dòng “Tổng cộng” Mục 1 của mẫu CI-3 này (:) Tổng số thư ghi tại cột (4) dòng “Tổng cộng” Mục 1 của mẫu CI-3 này.

Đợt điều tra ...
Năm...

Mẫu CI-4
(Ban hành kèm theo Thông tư số **23**/2016/TT-BTTTT
ngày **02/11** /2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐIỀU TRA
DỊCH VỤ THƯ CƠ BẢN TỪ VIỆT NAM ĐI CÁC NƯỚC**

1. Tổng hợp nội dung điều tra:

STT	Bưu cục ngoại dịch	Ngày điều tra	Tổng khối lượng thư điều tra (kg)	Tổng số thư (thư)	Tổng cước (đồng)	Ghi chú
A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Bưu cục ngoại dịch Hà Nội	Ngày điều tra thứ 1				
2		Ngày điều tra thứ 2				
3		Ngày điều tra thứ 3				
4		Ngày điều tra thứ 4				
5		Ngày điều tra thứ 5				
6	Bưu cục ngoại dịch TP. Hồ Chí Minh	Ngày điều tra thứ 1				
7		Ngày điều tra thứ 2				
8		Ngày điều tra thứ 3				
9		Ngày điều tra thứ 4				
10		Ngày điều tra thứ 5				
Tổng cộng						

2. Số thư bình quân trong một kilôgam thư:

3. Giá cước bình quân một thư được kiểm đếm:

4. Giá cước thanh toán giữa Việt Nam và các nước cho một kilôgam thư theo quy định hiện hành của UPU:

5. Giá cước bình quân một thư dùng để thanh toán giữa Việt Nam và các nước theo quy định hiện hành của UPU:

6. Giá cước bình quân một thư cơ bản từ Việt Nam đi các nước:

..., ngày...tháng ...năm...

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Đại diện đoàn điều tra
(Ký, họ tên)

Giải thích nội dung và cách ghi mẫu CI-4

1. Mục đích

Mẫu CI-4 được lập từ các mẫu CI-2 để:

- Xác định số thư bình quân trong một kilôgam thư cơ bản từ Việt Nam đi các nước trong một kỳ điều tra.
- Xác định giá cước bình quân một thư cơ bản từ Việt Nam đi các nước trong một kỳ điều tra.

2. Nội dung và cách ghi mẫu

- Mục 1 (Tổng hợp nội dung điều tra): Ghi chép các nội dung nêu trong bảng
 - + Cột (1) Tên bưu cục ngoại dịch: Ghi tên các bưu cục ngoại dịch nơi thực hiện điều tra.
 - + Cột (2) Ngày điều tra: Ghi cụ thể các ngày điều tra.
 - + Cột (3) Tổng khối lượng thư điều tra: Ghi tổng khối lượng thư điều tra từng ngày tại từng bưu cục ngoại dịch. Số liệu này là số liệu được lấy tại Mục 1.1 mẫu CI-2 của bưu cục ngoại dịch tương ứng.
 - + Cột (4) Tổng số thư: Ghi tổng số thư điều tra từng ngày tại từng bưu cục ngoại dịch. Số liệu này là số liệu được lấy tại cột (2) dòng “Tổng cộng” Mục 1.2 mẫu CI-2 của bưu cục ngoại dịch tương ứng.
 - + Cột (5) Tổng cước: Ghi tổng số tiền cước của số thư được kiểm đếm tại từng bưu cục ngoại dịch. Số liệu này là số liệu được lấy tại cột (3) dòng “Tổng cộng” Mục 1.2 mẫu CI-2 của bưu cục ngoại dịch tương ứng.
 - + Tính “Tổng cộng” theo các cột tương ứng trong bảng.
- Mục 2 (Số thư bình quân trong một kilôgam thư): Được xác định (=) Tổng số thư ghi tại cột (4) dòng “Tổng cộng” Mục 1 của mẫu CI-4 này (:) Tổng khối lượng thư điều tra ghi tại cột (3) dòng “Tổng cộng” Mục 1 của mẫu CI-4 này.
- Mục 3 (Giá cước bình quân một thư cơ được kiểm đếm): Được xác định (=) Tổng cước ghi tại cột (5) dòng “Tổng cộng” Mục 1 của mẫu CI-4 này (:) Tổng số thư ghi tại cột (4) dòng “Tổng cộng” Mục 1 của mẫu CI-4 này.
- Mục 4 (Giá cước thanh toán giữa Việt Nam và các nước cho một kilôgam thư theo quy định hiện hành của UPU): Được tính bằng đồng Việt Nam theo tỷ giá quy đổi tại thời điểm điều tra.
- Mục 5 (Giá cước bình quân một thư dùng để thanh toán giữa Việt Nam và các nước theo quy định hiện hành của UPU): Được xác định (=) Kết quả tính toán tại Mục 4 của mẫu CI-4 này (:) Kết quả tính toán tại Mục 2 của mẫu CI-4 này.
- Mục 6 (Giá cước bình quân một thư cơ bản từ Việt Nam đi các nước): Được xác định (=) Kết quả tính toán tại Mục 3 của mẫu CI-4 này (-) Kết quả tính toán tại Mục 5 của mẫu CI-4 này.

Đợt điều tra tháng...
Năm ...

Mẫu CI-5
(Ban hành kèm theo Thông tư số **23**/2016/TT-BTTTT
ngày **02/11**/2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐIỀU TRA
DỊCH VỤ THƯ CƠ BẢN TỪ CÁC NƯỚC ĐẾN VIỆT NAM**

Ngày ...tháng ...năm ...

1. Tổng hợp nội dung điều tra:

STT	Tên bưu cục ngoại dịch	Ngày điều tra	Tổng khối lượng thư điều tra (kg)	Tổng số thư (thư)	Ghi chú
(A)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Hà Nội	Ngày điều tra thứ 1			
2		Ngày điều tra thứ 2			
3		Ngày điều tra thứ 3			
4		Ngày điều tra thứ 4			
5		Ngày điều tra thứ 5			
6	TP. Hồ Chí Minh	Ngày điều tra thứ 1			
7		Ngày điều tra thứ 2			
8		Ngày điều tra thứ 3			
9		Ngày điều tra thứ 4			
10		Ngày điều tra thứ 5			
Tổng cộng					

2. Số thư bình quân trong một kilôgam thư :

3. Giá cước thanh toán giữa Việt Nam và các nước cho một kilôgam thư theo quy định hiện hành của UPU:

4. Giá cước bình quân một thư cơ bản từ các nước đến Việt Nam:

..., ngày...tháng ...năm...

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Đại diện đoàn điều tra
(Ký, họ tên)

Giải thích nội dung và cách ghi mẫu CI-5

1. Mục đích

Mẫu CI-5 được lập từ các mẫu CI-2 để:

- Xác định số thư bình quân trong một kilôgam thư cơ bản từ các nước đến Việt Nam trong một kỳ điều tra.
- Xác định giá cước bình quân một thư cơ bản từ các nước đến Việt Nam trong một kỳ điều tra.

2. Nội dung và cách ghi mẫu

- Mục 1 (Tổng hợp nội dung điều tra): Ghi chép các nội dung nêu trong bảng
 - + Cột (1) Tên bưu cục ngoại dịch: Ghi tên các bưu cục ngoại dịch nơi thực hiện điều tra.
 - + Cột (2) Ngày điều tra: Ghi cụ thể các ngày điều tra.
 - + Cột (3) Tổng khối lượng thư điều tra: Ghi tổng khối lượng thư điều tra từng ngày tại từng bưu cục ngoại dịch. Số liệu này là số liệu được lấy tại Mục 2.1 mẫu CI-2 của bưu cục ngoại dịch tương ứng.
 - + Cột (4) Tổng số thư: Ghi tổng số thư điều tra từng ngày tại từng bưu cục ngoại dịch. Số liệu này là số liệu được lấy tại Mục 2.2 mẫu CI-2 của bưu cục ngoại dịch tương ứng.
 - + Tính “Tổng cộng” theo các cột tương ứng trong bảng.
- Mục 2 (Số thư bình quân trong một kilôgam thư): Được xác định (=) Tổng số thư ghi tại cột (4) dòng “Tổng cộng” Mục 1 của mẫu CI-5 này (:) Tổng khối lượng thư điều tra ghi tại cột (3) dòng “Tổng cộng” Mục 1 của mẫu CI-5 này.
- Mục 3 (Giá cước thanh toán giữa Việt Nam và các nước cho một kilôgam thư theo quy định hiện hành của UPU): Được tính bằng đồng Việt Nam theo tỷ giá quy đổi tại thời điểm điều tra.
- Mục 4 (Giá cước bình quân một thư cơ bản từ các nước đến Việt Nam): Được xác định (=) Kết quả tính toán tại Mục 3 của mẫu CI-5 này (:) Kết quả tính toán tại Mục 2 của mẫu CI-5 này.

Đợt điều tra tháng...
Năm ...

Mẫu CI-6
(Ban hành kèm theo Thông tư số **23**/2016/TT-BTTTT
ngày **02/11** /2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

**ĐIỀU TRA TẠI BUƯ CỤC GIAO DỊCH
DỊCH VỤ THƯ CƠ BẢN TRONG NƯỚC VÀ DỊCH VỤ PHÁT HÀNH BÁO CHÍ**

STT	Địa điểm điều tra	Ngày, tháng điều tra	Dịch vụ thư cơ bản trong nước		Dịch vụ phát hành báo chí		Ghi chú
			Số liệu trên tài liệu, chứng từ (kg)	Số liệu trên báo cáo tổng hợp (kg)	Số liệu trên tài liệu, chứng từ: tờ (báo), tạp chí (cuốn)	Số liệu trên báo cáo tổng hợp: tờ (báo), tạp chí (cuốn)	
(A)	(B)	(C)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1							
2							
3							
4							
5							
Tổng cộng							

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

..., ngày...tháng...năm ...

Đại diện đoàn điều tra
(Ký, họ tên)

Giải thích nội dung và cách ghi mẫu CI-6

1. Mục đích

Mẫu CI-6 được lập để:

- Xác định số liệu được ghi trên các tài liệu, chứng từ của các ngày trong tháng được lựa chọn điều tra tại bưu cục giao dịch được lựa chọn điều tra.
- Xác định số liệu được ghi trên báo cáo tổng hợp của tháng được lựa chọn điều tra của bưu cục giao dịch được lựa chọn điều tra.

2. Nội dung và cách ghi mẫu

- + Cột (B) Địa điểm điều tra: Ghi tên bưu cục giao dịch nơi thực hiện điều tra.
- + Cột (C) Ngày, tháng điều tra: Ghi cụ thể các ngày điều tra.
- + Cột (1) Số liệu trên tài liệu, chứng từ: Ghi số liệu trên các báo cáo, sổ sách chi tiết, chứng từ giao nhận của các ngày trong tháng được lựa chọn điều tra tại bưu cục được lựa chọn điều tra đối với dịch vụ thư cơ bản trong nước.
- + Cột (2) Số liệu trên báo cáo tổng hợp: Ghi số liệu trên báo cáo tổng hợp của tháng được lựa chọn điều tra tại bưu cục được lựa chọn điều tra đối với dịch vụ thư cơ bản trong nước.
- + Cột (3) Số liệu trên tài liệu, chứng từ: Ghi số liệu trên các báo cáo, sổ sách chi tiết, chứng từ giao nhận của các ngày trong tháng được lựa chọn điều tra tại các bưu cục giao dịch được lựa chọn điều tra đối với dịch vụ phát hành báo chí.
- + Cột (4) Số liệu trên báo cáo tổng hợp: Ghi số liệu trên báo cáo tổng hợp của tháng được lựa chọn điều tra tại bưu cục được lựa chọn điều tra đối với dịch vụ phát hành báo chí.
- + Tính “Tổng cộng” theo các cột tương ứng trong bảng.

Đợt điều tra tháng...
Năm ...

Mẫu CI-7
(Ban hành kèm theo Thông tư số 23/2016/TT-BTTTT
ngày 02/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

ĐIỀU TRA TẠI ĐƠN VỊ CẤP HUYỆN
DỊCH VỤ THƯ CƠ BẢN TRONG NƯỚC VÀ DỊCH VỤ PHÁT HÀNH BÁO CHÍ

STT	Địa điểm điều tra	Ngày, tháng điều tra	Dịch vụ thư cơ bản trong nước		Dịch vụ phát hành báo chí		Ghi chú
			Số liệu trên báo cáo tổng hợp tại các điểm phục vụ (kg)	Số liệu trên báo cáo tổng hợp cấp huyện (kg)	Số liệu trên báo cáo tổng hợp tại các điểm phục vụ: tờ (báo), tạp chí (cuốn)	Số liệu trên báo cáo tổng hợp cấp huyện: tờ (báo), tạp chí (cuốn)	
(A)	(B)	(C)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1							
2							
3							
4							
5							
Tổng cộng							

..., ngày...tháng...năm ...

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Đại diện đoàn điều tra
(Ký, họ tên)

Giải thích nội dung và cách ghi mẫu CI-7

1. Mục đích

Mẫu CI-7 được lập để:

- Xác định số liệu được ghi trên báo cáo tổng hợp của các điểm phục vụ gửi về trong tháng được lựa chọn điều tra.
- Xác định số liệu được ghi trên báo cáo tổng hợp của đơn vị cấp huyện được lựa chọn điều tra trong tháng được lựa chọn điều tra.

2. Nội dung và cách ghi mẫu

- + Cột (B) Địa điểm điều tra: Ghi tên đơn vị cấp huyện nơi thực hiện điều tra.
- + Cột (C) Ngày, tháng điều tra: Ghi cụ thể các ngày điều tra.
- + Cột (1) Số liệu trên báo cáo tổng hợp của các điểm phục vụ: Ghi số liệu được ghi trên các báo cáo tổng hợp của tháng từ các điểm phục vụ gửi về đơn vị cấp huyện được lựa chọn điều tra để tổng hợp đối với dịch vụ thư cơ bản trong nước
- + Cột (2) Số liệu trên báo cáo tổng hợp cấp huyện: Ghi số liệu trên báo cáo tổng hợp của tháng được lựa chọn điều tra tại đơn vị cấp huyện đối với dịch vụ thư cơ bản trong nước.
- + Cột (3) Số liệu trên báo cáo tổng hợp của các điểm phục vụ: Ghi số liệu trên các báo cáo tổng hợp của tháng được lựa chọn điều tra từ các điểm phục vụ gửi về đơn vị cấp huyện lựa chọn điều tra để tổng hợp đối với dịch vụ phát hành báo chí.
- + Cột (4) Số liệu trên báo cáo tổng hợp cấp huyện: Ghi số liệu trên báo cáo tổng hợp của tháng được lựa chọn điều tra tại đơn vị cấp huyện đối với dịch vụ phát hành báo chí.
- + Tính “Tổng cộng” theo các cột tương ứng trong bảng.

Đợt điều tra tháng...
Năm ...

Mẫu CI-8
(Ban hành kèm theo Thông tư số 23/2016/TT-BTTTT
ngày 02/11 /2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

**ĐIỀU TRA TẠI BUỒ CỤC NGOẠI DỊCH
DỊCH VỤ THƯ CƠ BẢN QUỐC TẾ**

STT	Địa điểm điều tra	Ngày, tháng điều tra	Dịch vụ thư cơ bản từ Việt nam đi các nước		Dịch vụ thư cơ bản từ các nước đến Việt nam		Ghi chú
			Số liệu trên tài liệu, chứng từ (kg)	Số liệu trên báo cáo tổng hợp (kg)	Số liệu trên tài liệu, chứng từ (kg)	Số liệu trên báo cáo tổng hợp (kg)	
(A)	(B)	(C)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1							
2							
3							
4							
5							
Tổng cộng							

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

..., ngày...tháng...năm ...

Đại diện đoàn điều tra
(Ký, họ tên)

Giải thích nội dung và cách ghi mẫu CI-8

1. Mục đích

Mẫu CI-8 được lập để:

- Xác định số liệu được ghi trên các tài liệu, chứng từ của các ngày trong tháng được lựa chọn điều tra tại bưu cục ngoại dịch.
- Xác định số liệu được ghi trên báo cáo tổng hợp của tháng được lựa chọn điều tra tại bưu cục ngoại dịch đó.

2. Nội dung và cách ghi mẫu

- + Cột (B) Địa điểm điều tra: Ghi tên bưu cục ngoại dịch nơi thực hiện điều tra.
- + Cột (C) Ngày, tháng điều tra: Ghi cụ thể các ngày điều tra.
- + Cột (1) Số liệu trên tài liệu, chứng từ: Ghi số liệu trên các báo cáo, sổ sách chi tiết, chứng từ giao nhận của các ngày trong tháng được lựa chọn điều tra tại bưu cục ngoại dịch đối với dịch vụ thư cơ bản từ Việt Nam đi các nước.
- + Cột (2) Số liệu trên báo cáo tổng hợp: Ghi số liệu trên báo cáo tổng hợp của tháng được lựa chọn điều tra tại bưu cục ngoại dịch đối với dịch vụ thư cơ bản từ Việt Nam đi các nước.
- + Cột (3) Số liệu trên tài liệu, chứng từ: Ghi số liệu trên các báo cáo, sổ sách chi tiết, chứng từ giao nhận của các ngày trong tháng được lựa chọn điều tra tại bưu cục ngoại dịch đối với dịch vụ thư cơ bản từ các nước đến Việt Nam.
- + Cột (4) Số liệu trên báo cáo tổng hợp: Ghi số liệu trên báo cáo tổng hợp của tháng được lựa chọn điều tra tại bưu cục ngoại dịch đối với dịch vụ thư cơ bản từ các nước đến Việt Nam.
- + Tính “Tổng cộng” theo các cột tương ứng trong bảng.

Đợt điều tra tháng...
Năm ...

Mẫu CI-9
(Ban hành kèm theo Thông tư số 23/2016/TT-BTTTT
ngày 02/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

TỔNG HỢP ĐIỀU TRA CỦA TỈNH, THÀNH PHỐ
DỊCH VỤ THƯ CƠ BẢN TRONG NƯỚC VÀ DỊCH VỤ PHÁT HÀNH BÁO CHÍ

1. Tên tỉnh, thành phố:

2. Tổng hợp nội dung điều tra tại các bưu cục giao dịch:

STT	Địa điểm điều tra	Dịch vụ thư cơ bản trong nước		Dịch vụ phát hành báo chí		Ghi chú
		Số liệu trên tài liệu, chứng từ (kg)	Số liệu trên báo cáo tổng hợp (kg)	Số liệu trên tài liệu, chứng từ: tờ (báo), tạp chí (cuốn)	Số liệu trên báo cáo tổng hợp: tờ (báo), tạp chí (cuốn)	
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1						
2						
3						
Tổng cộng						

3. Tổng hợp nội dung điều tra tại đơn vị thống kê cấp quận/huyện

STT	Địa điểm điều tra	Dịch vụ thư cơ bản trong nước		Dịch vụ phát hành báo chí		Ghi chú
		Số liệu trên báo cáo tổng hợp của các điểm phục vụ (kg)	Số liệu trên báo cáo tổng hợp cấp huyện (kg)	Số liệu trên báo cáo tổng hợp của các điểm phục vụ: tờ (báo), tạp chí (cuốn)	Số liệu trên báo cáo tổng hợp cấp huyện: tờ (báo), tạp chí (cuốn)	
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1						
2						
3						
Tổng cộng						

4. Xác định tỷ lệ chênh lệch của tỉnh, thành phố đối với dịch vụ thư cơ bản trong nước:

5. Xác định tỷ lệ chênh lệch của tỉnh, thành phố đối với dịch vụ phát hành báo chí:

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

..., ngày...tháng ...năm...
Đại diện đoàn điều tra
(Ký, họ tên)

Giải thích nội dung và cách ghi mẫu CI-9

1. Mục đích

Mẫu CI-9 được lập để tổng hợp số liệu điều tra của một tỉnh, thành phố trên cơ sở các số liệu từ các mẫu CI-6 và CI-7 đối với dịch vụ thư cơ bản trong nước và dịch vụ phát hành báo chí.

2. Nội dung và cách ghi mẫu

- Mục 1 (Tên tỉnh, thành phố): Ghi tên tỉnh, thành phố được tổng hợp kết quả điều tra.

- Mục 2 (Tổng hợp nội dung điều tra tại các bưu cục giao dịch): Ghi chép các nội dung nêu trong bảng

+ Cột (B) Địa điểm điều tra: Ghi tên các bưu cục giao dịch nơi thực hiện điều tra thuộc tỉnh, thành phố được lựa chọn điều tra.

+ Cột (1) Số liệu trên tài liệu, chứng từ: Ghi tổng số liệu trên báo cáo, sổ sách chi tiết, chứng từ giao nhận của các ngày trong tháng được lựa chọn điều tra tại bưu cục ngoại dịch đối với dịch vụ thư cơ bản trong nước. Số liệu này được lấy tại cột (1) dòng “Tổng cộng” trên các mẫu CI-6 tương ứng.

+ Cột (2) Số liệu trên báo cáo tổng hợp: Ghi tổng số liệu trên báo cáo tổng hợp của tháng được lựa chọn điều tra tại bưu cục giao dịch đối với dịch vụ thư cơ bản trong nước. Số liệu này được lấy tại cột (2) dòng “Tổng cộng” trên các mẫu CI-6 tương ứng.

+ Cột (3) Số liệu trên tài liệu chứng từ: Ghi tổng số liệu trên báo cáo, sổ sách chi tiết, chứng từ giao nhận của các ngày trong tháng được lựa chọn điều tra tại bưu cục giao dịch đối với dịch vụ phát hành báo chí. Số liệu này được lấy tại cột (3) dòng “Tổng cộng” trên các mẫu CI-6 tương ứng.

+ Cột (4) Số liệu trên báo cáo tổng hợp: Ghi tổng số liệu trên báo cáo tổng hợp của tháng được lựa chọn điều tra tại các bưu cục giao dịch đối với dịch vụ phát hành báo chí. Số liệu này được lấy tại cột (4) dòng “Tổng cộng” trên các mẫu CI-6 tương ứng.

+ Tính “Tổng cộng” theo các cột tương ứng trong bảng.

- Mục 3 (Tổng hợp nội dung điều tra tại đơn vị cấp huyện):

+ Cột (B) Địa điểm điều tra: Ghi tên các đơn vị cấp huyện nơi thực hiện điều tra thuộc tỉnh, thành phố được lựa chọn điều tra.

+ Cột (1) Số liệu trên báo cáo tổng hợp của các điểm phục vụ: Ghi tổng số liệu trên báo cáo tổng hợp của tháng từ các điểm phục vụ gửi về đơn vị cấp huyện được lựa chọn điều tra để tổng hợp đối với dịch vụ thư cơ bản trong nước. Số liệu này được lấy tại cột (1) dòng “Tổng cộng” trên các mẫu CI-7 tương ứng.

+ Cột (2) Số liệu trên báo cáo tổng hợp cấp huyện: Ghi tổng số liệu trên báo cáo tổng hợp của tháng được lựa chọn điều tra tại đơn vị cấp huyện đối với dịch vụ thư cơ bản trong nước. Số liệu này được lấy tại cột (2) dòng “Tổng cộng” trên các mẫu CI-7 tương ứng.

+ Cột (3) Số liệu trên báo cáo tổng hợp tại các điểm phục vụ: Ghi tổng số liệu trên báo cáo tổng hợp của tháng từ các điểm phục vụ gửi về đơn vị cấp huyện được lựa chọn điều tra để tổng hợp đối với dịch vụ phát hành báo chí. Số liệu này được lấy tại cột (3) dòng “Tổng cộng” trên các mẫu CI-7 tương ứng.

+ Cột (4) Số liệu trên báo cáo tổng hợp cấp huyện: Ghi tổng số liệu trên báo cáo tổng hợp của tháng được lựa chọn điều tra tại đơn vị cấp huyện đối với dịch vụ phát hành báo chí. Số liệu này được lấy tại cột (4) dòng “Tổng cộng” trên các mẫu CI-7 tương ứng.

+ Tính “Tổng cộng” theo các cột tương ứng trong bảng.

- Mục 4 (Xác định tỷ lệ chênh lệch của từng tỉnh, thành phố đối với dịch vụ thư cơ bản trong nước): Được xác định (=) [Số liệu trên báo cáo tổng hợp ghi tại cột (2) dòng “Tổng cộng” Mục 2 của mẫu CI-9 này (:) Số liệu trên tài liệu, chứng từ ghi tại cột (1) dòng “Tổng cộng” Mục 2 của mẫu CI-9 này] (x) [Số liệu trên báo cáo tổng hợp cấp huyện ghi tại cột (2) dòng “Tổng cộng” Mục 3 của mẫu CI-9 này (:) Số liệu trên báo cáo tổng hợp của các điểm phục vụ ghi tại cột (1) dòng “Tổng cộng” của mẫu CI-9 này].

- Mục 5 (Xác định tỷ lệ chênh lệch của từng tỉnh, thành phố đối với dịch vụ phát hành báo chí): Được xác định (=) [Số liệu trên báo cáo tổng hợp ghi tại cột (4) dòng “Tổng cộng” Mục 2 của mẫu CI-9 này (:) Số liệu trên tài liệu, chứng từ ghi tại cột (3) dòng “Tổng cộng” Mục 2 của mẫu CI-9 này] (x) [Số liệu trên báo cáo tổng hợp cấp huyện ghi tại cột (4) dòng “Tổng cộng” Mục 3 của mẫu CI-9 này (:) Số liệu trên báo cáo tổng hợp của các điểm phục vụ ghi tại cột (3) dòng “Tổng cộng” của mẫu CI-9 này].

Đợt điều tra tháng...
Năm ...

Mẫu CI-10
(Ban hành kèm theo Thông tư số 23/2016/TT-BTTTT
ngày 02/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

TỔNG HỢP ĐIỀU TRA TRONG CẢ NƯỚC
DỊCH VỤ THƯ CƠ BẢN TRONG NƯỚC VÀ DỊCH VỤ PHÁT HÀNH BÁO CHÍ

1. Tổng hợp nội dung điều tra:

STT	Tên tỉnh, thành phố	Dịch vụ thư cơ bản trong nước			Dịch vụ phát hành báo chí			Ghi chú
		Tỷ lệ chênh lệch của tỉnh, thành phố	Số liệu sản lượng trong một quý (kg)	Tích giữa tỷ lệ chênh lệch và sản lượng	Tỷ lệ chênh lệch của tỉnh, thành phố	Số liệu sản lượng trong một quý: tờ (báo), tạp chí (cuốn)	Tích giữa tỷ lệ chênh lệch và sản lượng	
(A)	(B)	(1)	(2)	(3) = (1) x (2)	(4)	(5)	(6) = (4) x (5)	(7)
1								
2								
3								
Tổng cộng		x			x			

Ghi chú: Không thống kê vào ô có dấu "x"

2. Tỷ lệ chênh lệch của cả nước đối với dịch vụ thư cơ bản trong nước:

3. Tỷ lệ chênh lệch của cả nước đối với dịch vụ phát hành báo chí:

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

..., ngày...tháng...năm....

Đại diện đoàn điều tra
(Ký, họ tên)

Giải thích nội dung và cách ghi mẫu CI-10

1. Mục đích

Mẫu CI-10 được lập để: Tổng hợp số liệu điều tra của cả nước trên cơ sở các số liệu từ các mẫu CI-9 đối với dịch vụ thư cơ bản trong nước và dịch vụ phát hành báo chí.

2. Nội dung và cách ghi mẫu

- Mục 1 (Tổng hợp nội dung điều tra): Ghi chép các nội dung nêu trong bảng

+ Cột (B) Tên tỉnh, thành phố: Ghi tên các tỉnh, thành phố được lựa chọn điều tra.

+ Cột (1) Tỷ lệ chênh lệch của tỉnh, thành phố: Ghi tỷ lệ chênh lệch về số liệu của từng tỉnh, thành phố đối với dịch vụ thư cơ bản trong nước. Tỷ lệ này được lấy tại Mục 4 của mẫu CI-9 tương ứng.

+ Cột (2) Số liệu sản lượng trong một quý: Ghi số liệu sản lượng của quý trước quý điều tra đối với dịch vụ thư cơ bản trong nước của tỉnh, thành phố tương ứng. Số liệu này là số liệu được lấy theo báo cáo của Tổng công ty Bưu điện Việt Nam.

+ Cột (3) Tích giữa tỷ lệ chênh lệch và sản lượng: Được xác định (=) cột (1) (x) cột (2)

+ Cột (4) Tỷ lệ chênh lệch của tỉnh, thành phố: Ghi tỷ lệ chênh lệch về số liệu của từng tỉnh, thành phố đối với dịch vụ phát hành báo chí. Tỷ lệ này được lấy tại Mục 5 mẫu CI-9 tương ứng.

+ Cột (5) Số liệu sản lượng trong một quý: Ghi số liệu sản lượng quý trước quý điều tra đối với dịch vụ phát hành báo chí của tỉnh, thành phố tương ứng. Số liệu này là số liệu được lấy theo báo cáo của Tổng công ty Bưu điện Việt Nam.

+ Cột (6): Được xác định(=) cột (4) (x) cột (5)

- Mục 2 (Tỷ lệ chênh lệch trong cả nước đối với dịch vụ thư cơ bản trong nước): Được xác định (=) Số liệu tại cột (3) dòng "Tổng cộng" mẫu số CI-10 này (:) Số liệu tại cột (2) dòng "Tổng cộng" mẫu số CI-10 này.

- Mục 3 (Tỷ lệ chênh lệch trong cả nước đối với dịch vụ phát hành báo chí): Được xác định (=) Số liệu tại cột (6) dòng "Tổng cộng" mẫu số CI-10 này (:) Số liệu tại cột (5) dòng "Tổng cộng" mẫu số CI-10 này.

Đợt điều tra tháng ...
Năm...

Mẫu CI-11
(Ban hành kèm theo Thông tư số **23**/2016/TT-BTTTT
ngày **02/11** /2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

TỔNG HỢP ĐIỀU TRA TRONG CẢ NƯỚC DỊCH VỤ THƯ CƠ BẢN QUỐC TẾ

1. Tổng hợp nội dung điều tra:

1.1 Dịch vụ thư cơ bản từ Việt Nam đi các nước:

STT	Tên bưu cục ngoại dịch	Số liệu trên tài liệu, chứng từ (kg)	Số liệu trên báo cáo tổng hợp (kg)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Hà Nội			
2	TP. Hồ Chí Minh			
	...			
	Tổng cộng			

1.2 Dịch vụ thư cơ bản từ các nước đến Việt Nam:

STT	Tên bưu cục ngoại dịch	Số liệu trên tài liệu, chứng từ (kg)	Số liệu trên báo cáo tổng hợp (kg)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Hà Nội			
2	TP. Hồ Chí Minh			
	...			
	Tổng cộng			

2. Tỷ lệ chênh lệch trong cả nước đối với dịch vụ thư cơ bản từ các nước đến Việt Nam:

3. Tỷ lệ chênh lệch trong cả nước đối với dịch vụ thư cơ bản từ Việt Nam đi các nước:

..., ngày...tháng...năm....

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Đại diện đoàn điều tra
(Ký, họ tên)

Giải thích nội dung và cách ghi mẫu số CI-11

1. Mục đích

Mẫu CI-11 được lập để: Tổng hợp số liệu điều tra của cả nước trên cơ sở các số liệu từ các mẫu CI-8 đối với dịch vụ thư cơ bản quốc tế.

2. Nội dung và cách ghi mẫu

- Mục 1 (Tổng hợp nội dung điều tra)

- Mục 1.1 (Dịch vụ thư cơ bản từ Việt Nam đi các nước): Ghi chép các nội dung trong bảng

+ Cột (2) Tên bưu cục ngoại dịch: Ghi tên các bưu cục ngoại dịch nơi thực hiện điều tra.

+ Cột (3) Số liệu trên tài liệu, chứng từ: Ghi tổng số liệu trên báo cáo, sổ sách chi tiết, chứng từ giao nhận của các ngày trong tháng được lựa chọn điều tra tại các bưu cục ngoại dịch đối với dịch vụ thư cơ bản từ Việt Nam đi các nước. Số liệu này được lấy tại cột (1) dòng “Tổng cộng” trên mẫu CI-8 của bưu cục ngoại dịch tương ứng.

+ Cột (4) Số liệu trên báo cáo tổng hợp: Ghi số liệu trên báo cáo tổng hợp của tháng được lựa chọn điều tra tại các bưu cục ngoại dịch đối với dịch vụ thư cơ bản từ Việt Nam đi các nước. Số liệu này được lấy tại cột (2) dòng “Tổng cộng” trên mẫu CI-8 của bưu cục ngoại dịch tương ứng.

- Mục 1.2 (Dịch vụ thư cơ bản từ các nước đến Việt Nam): Ghi chép các nội dung trong bảng

+ Cột (2) Tên bưu cục ngoại dịch: Ghi tên các bưu cục ngoại dịch được điều tra.

+ Cột (3) Số liệu trên tài liệu, chứng từ: Ghi tổng số liệu trên báo cáo, sổ sách chi tiết, chứng từ giao nhận của các ngày trong tháng được lựa chọn điều tra tại các bưu cục ngoại dịch đối với dịch vụ thư cơ bản từ Việt Nam đi các nước. Số liệu này được lấy tại cột (3) dòng “Tổng cộng” trên mẫu CI-8 của bưu cục ngoại dịch tương ứng.

+ Cột (4) Số liệu trên báo cáo tổng hợp: Ghi số liệu trên báo cáo tổng hợp của tháng được lựa chọn điều tra tại các bưu cục ngoại dịch đối với dịch vụ thư cơ bản từ Việt Nam đi các nước. Số liệu này được lấy tại cột (4) dòng “Tổng cộng” trên mẫu CI-8 của bưu cục ngoại dịch tương ứng.

- Mục 2 (Tỷ lệ chênh lệch trong cả nước đối với dịch vụ thư cơ bản từ Việt Nam đi các nước): Được xác định (=) Số liệu trên báo cáo tổng hợp tại cột (4) dòng “Tổng cộng” Mục 1.1 của mẫu CI-11 này (:) Số liệu trên tài liệu chứng từ tại cột (3) dòng “Tổng cộng” Mục 1.1 của mẫu CI-11 này.

- Mục 3 (Tỷ lệ chênh lệch trong cả nước đối với dịch vụ thư cơ bản từ các nước đến Việt Nam): Được xác định (=) Số liệu trên báo cáo tổng hợp tại cột (4) dòng “Tổng cộng” Mục 1.2 của mẫu CI-11 này (:) Số liệu trên tài liệu chứng từ tại cột (3) dòng “Tổng cộng” Mục 1.2 của mẫu CI-11 này.